BẢN TIN NGÀY 19/5/2023
"TRẢ ĐIỂM" PHÁI SINH, THỊ TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH NHẸ CUỐI NGÀY

HOSE	
Tổng số cổ phiếu	572
Số mã tăng giá	168
Số mã giảm giá	212
Số mã tham chiếu	50
Số mã không giao dịch	142

HNX	
Tổng số cổ phiếu	348
Số mã tăng giá	87
Số mã giảm giá	81
Số mã tham chiếu	67
Số mã không giao dịch	113

UPCOM	
Tổng số cổ phiếu	860
Số mã tăng giá	190
Số mã giảm giá	133
Số mã tham chiếu	103
Số mã không giao dịch	434

Kết thúc phiên giao dịch ngày 19/05/2023, VNINDEX giảm 1.24 điểm *(tương đương 0.12%)* xuống mức 1067.07 điểm. Trên sàn HOSE có 168 mã tăng, 212 mã giảm và 50 mã giữ tham chiếu. Giá trị giao dịch tăng và khối lượng giao dịch của thị trường ngày hôm nay tăng so với phiên trước đó với tổng giá trị khớp lệnh đạt 13361.031 tỷ đồng.

Các mã có tác động tích cực nhất đến VNINDEX bao gồm GAS (0.9242 điểm), GVR (+0.4085 điểm), STB (+0.313 điểm), CTG (+0.3021 điểm), VND (+0.1852 điểm).

Ngược lại, các mã tác động tiêu cực nhất đến chỉ số bao gồm VHM (-0.9636 điểm), VCB (-0.934 điểm), VIC (-0.6592 điểm), BID (-0.3137 điểm), VNM (-0.3111 điểm).

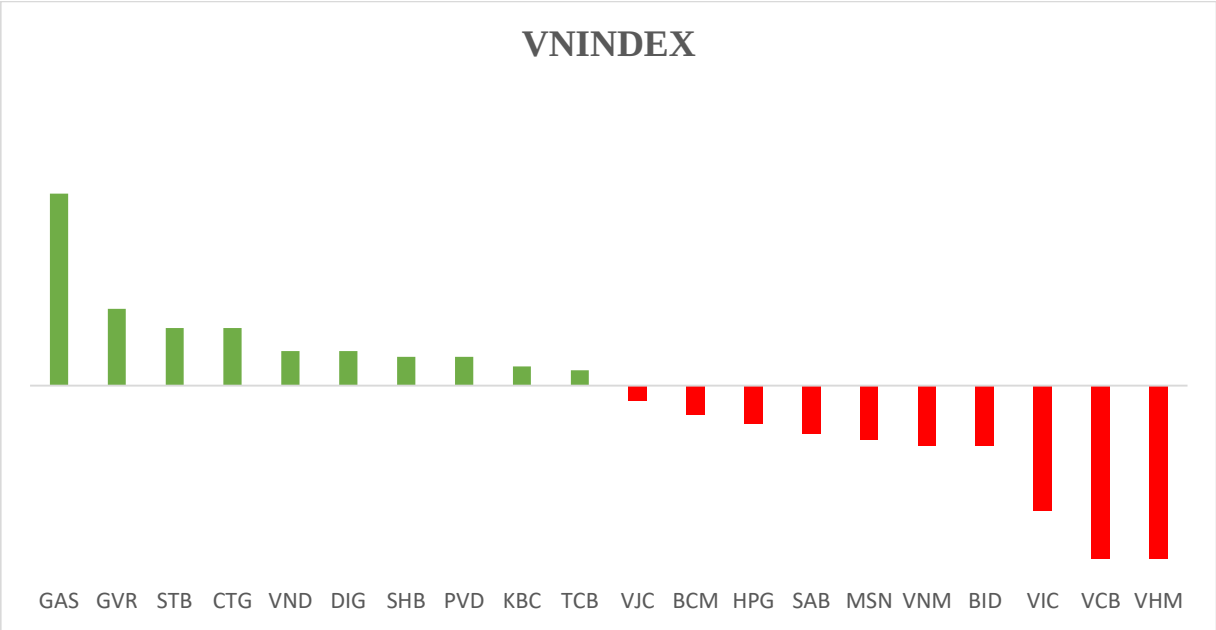

Khối ngoại hôm nay MUA ròng với giá trị đột biến khoảng 1025 tỷ trên toàn thị trường, trong đó khối ngoại tập trung MUA mạnh nhất là STG với giá trị MUA ròng lên đến gần 1314.28 tỷ đồng, tiếp theo là VHM với giá trị là 41.2 tỷ và cuối cùng là VRE với giá trị là 24.8 tỷ. Chiều ngược lại, khối ngoại tập trung BÁN ròng STB với giá trị tỷ là 53.69 tỷ, tiếp theo là SHB với giá trị là 44.42 tỷ và cuối cùng là VNM với giá trị là 43.32 tỷ.

Top NN mua ròng

Mã CK	GT mua ròng (Tỷ đồng)	Giá	Thay đổi
STG	1,314.28	53.70	-0.10 (-0.19%)
VHM	41.20	54.10	-0.90 (-1.64%)
VRE	24.80	28.00	-0.10 (-0.36%)
KDH	16.02	29.45	0.15 (0.51%)
TLG	12.56	56.10	3.60 (6.86%)
PVD	12.10	23.45	1.05 (4.69%)
VIX	10.42	9.80	0.30 (3.16%)
VND	9.97	16.10	0.60 (3.87%)
VIC	8.60	52.50	-0.70 (-1.32%)
QNS	8.17	45.60	-0.10 (-0.22%)

Top NN bán ròng

Mã CK	GT bán ròng (Tỷ đồng)	Giá	Thay đổi
STB	-53.69	27.85	0.65 (2.39%)
SHB	-44.42	11.80	0.20 (1.72%)
VNM	-43.32	68.60	-0.60 (-0.87%)
HPG	-34.89	21.80	-0.15 (-0.68%)
NVL	-27.74	13.20	-0.10 (-0.75%)
DCM	-26.39	23.55	-0.35 (-1.46%)
MSN	-24.24	72.40	-0.80 (-1.09%)
SSI	-20.57	22.90	0.10 (0.44%)
DPM	-18.51	32.15	-0.65 (-1.98%)
VCB	-15.45	94.20	-0.80 (-0.84%)

Trong 25 nhóm ngành ngày hôm nay, có 14 nhóm ngành tăng điểm, các nhóm tăng điểm chủ yếu đó là: ***Khai khoáng, Dịch vụ tư vấn và hỗ trợ, Tiện ích***, 11 nhóm ngành bị điều chỉnh, tiêu biểu là các nhóm ***Thực phẩm – Đồ uống, Bất động sản và Chế biến thủy sản.***

Nhóm ngành	Gía hiện tại	% Thay đổi
Thực phẩm - Đồ uống	1,150	-0.77%
Bất động sản	437	-0.72%
Chế biến Thủy sản	1,670	-0.68%
Chăm sóc sức khỏe	451	-0.63%
Dịch vụ lưu trú, ăn uống, giải trí	43.7	-0.54%
SX Phụ trợ	413	-0.53%
Vận tải - kho bãi	417	-0.48%
Vật liệu xây dựng	692	-0.47%
Ngân hàng	564	-0.10%
Nông - Lâm - Ngư	24.4	-0.09%
Sản phẩm cao su	241	-0.08%
Công nghệ và thông tin	321	0.02%
Tài chính khác	12.3	0.05%
Bán buôn	31.6	0.12%
SX Hàng gia dụng	294	0.31%
Bảo hiểm	124	0.39%
Bán lẻ	502	0.44%
Thiết bị điện	168	0.52%
SX Thiết bị, máy móc	13.4	0.57%
SX Nhựa - Hóa chất	441	0.59%
Xây dựng	459	0.62%
Chứng khoán	102	0.95%
Tiện ích	505	1.38%
Dịch vụ tư vấn, hỗ trợ	267	1.58%
Khai khoáng	192	3.60%

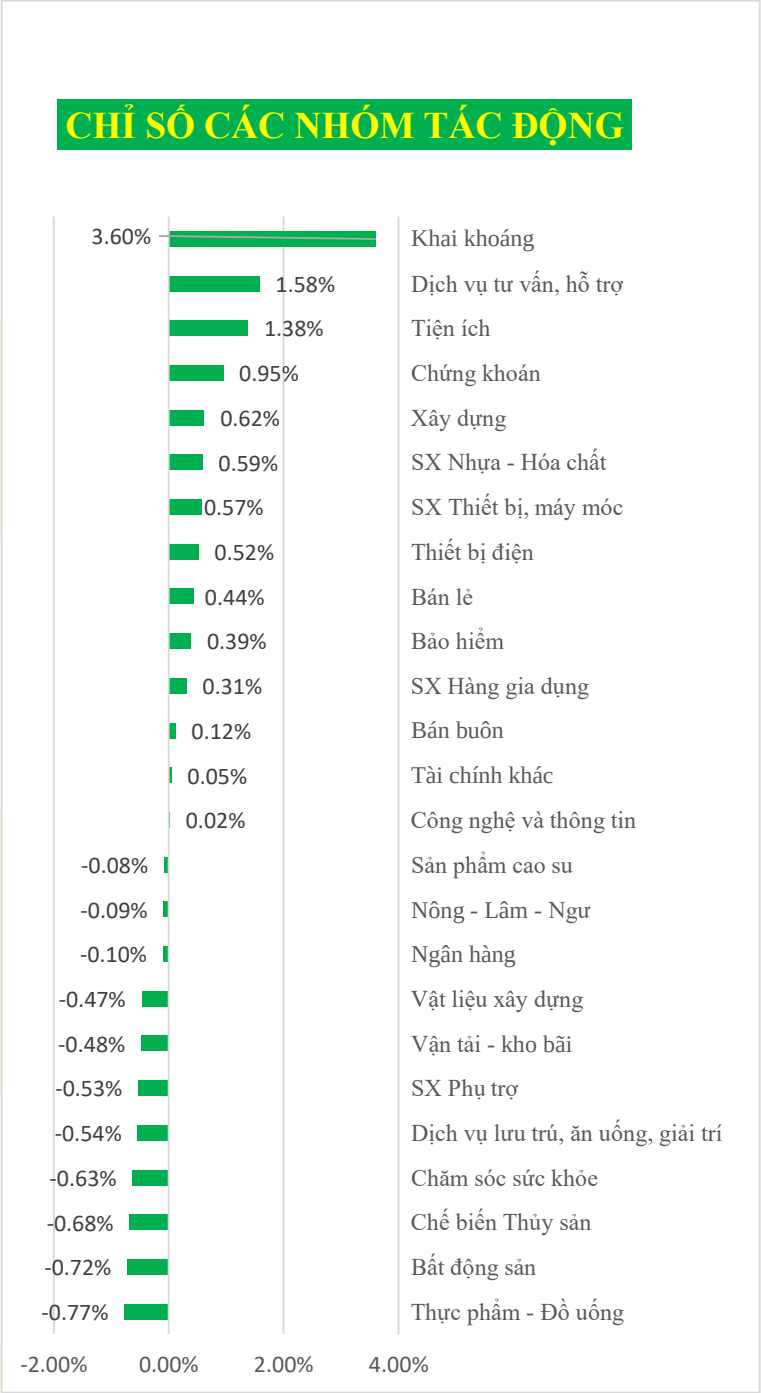

CẬP NHẬT CÁC TIN NỔI BẬT CỦA DOANH NGHIỆP NGÀY 19/05/2023

- **Vì đâu Vilico (VLC) chào bán hơn 43 triệu cổ phiếu thấp hơn giá thị trường?:** Trên một số diễn đàn chứng khoán, nhiều nhà đầu tư bày tỏ thắc mắc về việc Vilico quyết định phát hành số lượng lớn cổ phiếu ra công chúng với mức giá thấp so với thị giá. Mới đây, Tổng công ty Chăn Nuôi Việt Nam - CTCP (Vilico, UPCoM: VLC) đã thông qua nghị quyết HĐQT về phương án phát hành hơn 43 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực quyền là 25%, tương ứng cổ đông sở hữu 4 cổ phiếu được quyền mua thêm 1 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu trên không bị hạn chế chuyển nhượng, nhưng quyền mua cổ phiếu sẽ bị hạn chế. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2023 hoặc quý I/2024, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Đáng chú ý, giá chào bán dự kiến là 14.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn khoảng 16% so với mức đóng cửa phiên cuối tuần trước (16.200 đồng/cp). So với giá bình quân trong 1 tuần gần đây, giá chào bán Vilico đưa ra cũng "rẻ" hơn đến 11%.
- **Biwase (BWE) hoàn thành 31% kế hoạch lợi nhuận năm sau 4 tháng:** Cụ thể, 4 tháng đầu năm Biwase ghi nhận tổng doanh thu đạt 1.082 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 226 tỷ đồng giảm lần lượt 10%, 15% so với cùng kỳ. Phía doanh nghiệp cho biết, kết quả này chưa ghi nhận doanh thu 102,9 tỷ đồng từ lĩnh vực xử lý chất thải. Được biết, năm nay, Biwase đặt mục tiêu 3.970 tỷ đồng doanh thu, 720 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Sau 4 tháng, công ty đã hoàn thành 27% kế hoạch doanh thu, 31% kế hoạch lợi nhuận năm. Tính riêng trong tháng 4, công ty ghi nhận 400 tỷ đồng doanh thu, 85 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.
- **Thành An 96 (TA9): Nợ phải trả tăng 300 tỷ đồng sau quý I, lợi nhuận tiếp tục 'tráng men':** Khoản nợ phải trả của CTCP Xây lắp Thành An 96 (TA9) đã vượt mức 1.777 tỷ đồng, tăng hơn 300 tỷ đồng so với con số ghi nhận đầu năm 2023. Quý I/2023, doanh thu của Thành An 96 ở mức 54,8 tỷ đồng, chủ yếu đến từ các hợp đồng xây dựng, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2023. Trong khi đó, lợi nhuận sau thuế tiếp tục "khiêm tốn" với vỏn vẹn hơn 847 triệu đồng, tuy thấp, nhưng vẫn tăng nhẹ so với cùng kỳ. Đến hết quý I/2023, quy mô tài sản của Thành An 96 đã vượt mốc 1.930 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm hơn 1.876 tỷ đồng. Các chỉ số như các khoản phải thu ngắn hạn (586,7 tỷ đồng) và hàng tồn kho (601,9 tỷ đồng) chiếm gần 1.200 tỷ đồng, phản ánh chất lượng tài sản tương đối xấu.

- **4 tháng đầu năm, PV Power (POW) ước đạt sản lượng điện 5,3 tỷ kWh, doanh thu hơn 10.400 tỷ đồng:** Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power, HOSE: POW) mới đây đã công bố tình hình sản xuất kinh doanh tháng 4 và lũy kế 4 tháng đầu năm. Theo đó, trong tháng 4, sản lượng điện của POW khoảng 1.369 triệu kWh, tương ứng 99% kế hoạch tháng. 4 nhà máy điện gồm: Cà Mau 1&2; Nhơn Trạch 2, Hủa Na, Đăkđrinh vượt kế hoạch sản lượng điện và doanh thu. Đóng góp nhiều nhất vào doanh thu tháng 4 của PV Power là nhà máy điện Cà Mau 1&2 với gần 956 tỷ đồng, chiếm hơn 36% tỷ trọng; Vũng Áng 1 (hơn 770 tỷ đồng) và Nhơn Trạch 2 (gần 724 tỷ đồng).Tổng sản lượng điện 4 tháng đạt 5.372 triệu kWh. Theo đó, doanh thu ước tính đạt 2.629 tỷ đồng, cũng hoàn thành 99% kế hoạch.
- **Lợi nhuận quý I/2023 của Nhựa Bình Minh (BMP) đã đạt đỉnh, tăng trưởng nửa cuối năm sẽ 'chông chênh':** Tại ĐHCĐ thường niên tổ chức ngày 28/4, sau năm lợi nhuận chinh phục mức lịch sử, Công ty CP Nhựa Bình Minh (HOSE: BMP) đưa ra kế hoạch kinh doanh 2023 đối lập với mục tiêu doanh thu tăng 9% lên 6.400 tỷ đồng; mục tiêu lợi nhuận sau thuế giảm 6% xuống 651 tỷ đồng. Điều này phản ánh quan điểm thận trọng của ban lãnh đạo BMP sức tiêu thụ yếu đi của thị trường, cộng với biến động giá đầu vào đối với mặt hàng PVC. Để chuẩn bị cho tình hình thị trường không mấy thuận lợi, BMP sẽ tập trung chiến lược vào sản lượng tiêu thụ và quản trị hàng tồn kho.
- **Điện Gia Lai (GEG): Cải thiện tình trạng công nợ, giải tỏa áp lực dòng tiền nhờ EVN tăng giá điện 3%:** PHS cho biết, năm 2023, GEG lên kế hoạch doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế là 2.785 tỷ đồng và 155 tỷ đồng, tăng 25% về doanh thu nhưng giảm 58% về lợi nhuận so với thực hiện của năm cũ. Kế hoạch cẩn trọng này dựa trên giả định rằng sản lượng điện sẽ đạt 1,3 tỷ kWh trong năm nay, trong đó, điện gió sẽ chiếm tỷ trọng cao nhất với 537 triệu kWh (chiếm 68%).

CẬP NHẬT CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN TRONG TUẦN 15/05/2023 – 19/05/2023

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	**REE**	HOSE	19/05/2023	22/05/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2	**BMP**	HOSE	19/05/2023	22/05/2023	12/6/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 5,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

3	**NFC**	HNX	19/05/2023	22/05/2023	31/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	**DRL**	HOSE	19/05/2023	22/05/2023	30/05/2023	Trả cổ tức đợt 3/2022 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	**DNL**	UPCoM	19/05/2023	22/05/2023	5/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	**TNP**	UPCoM	19/05/2023	22/05/2023	5/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	**LWS**	UPCoM	19/05/2023	22/05/2023	12/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 565 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	**DTB**	UPCoM	19/05/2023	22/05/2023	6/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,333.5 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	**MCD**	UPCoM	19/05/2023	22/05/2023	31/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,208 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	**IDP**	UPCoM	18/05/2023	19/05/2023	8/6/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 4,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	**DVW**	UPCoM	18/05/2023	19/05/2023	5/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	**BLW**	UPCoM	18/05/2023	19/05/2023	2/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 560 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	**VBG**	UPCoM	18/05/2023	19/05/2023	19/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	**QNU**	UPCoM	18/05/2023	19/05/2023	25/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 414 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	**HUG**	UPCoM	18/05/2023	19/05/2023	7/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	**VXT**	UPCoM	18/05/2023	19/05/2023	29/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	**PPY**	HNX	18/05/2023	19/05/2023	6/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

18	**KHS**	HNX	18/05/2023	19/05/2023	29/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	**FHN**	UPCoM	18/05/2023	19/05/2023	1/6/2023	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	**FHN**	UPCoM	18/05/2023	19/05/2023	1/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	**TIP**	HOSE	18/05/2023	19/05/2023	31/05/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	**PPP**	HNX	18/05/2023	19/05/2023	19/06/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	**TET**	HNX	18/05/2023	17/05/2023	8/6/2023	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	**BED**	HNX	18/05/2023	19/05/2023	26/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	**VFG**	HOSE	18/05/2023	19/05/2023	31/05/2023	Trả cổ tức đợt 3/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	**LCG**	HOSE	18/05/2023	19/05/2023	15/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	**TTD**	UPCoM	18/05/2023	19/05/2023	30/05/2023	Trả cổ tức đợt 3/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	**QCC**	UPCoM	18/05/2023	19/05/2023	30/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29	**ADP**	UPCoM	17/05/2023	18/05/2023	5/6/2023	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30	**VQC**	UPCoM	17/05/2023	18/05/2023	1/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
31	**ICN**	UPCoM	17/05/2023	18/05/2023	8/6/2023	Trả cổ tức đợt 4/2022 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
32	**INN**	HNX	17/05/2023	18/05/2023	1/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

33	**OPC**	HOSE	17/05/2023	18/05/2023	25/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
34	**MDG**	HOSE	17/05/2023	18/05/2023	20/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
35	**HDP**	UPCoM	17/05/2023	18/05/2023	15/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
36	**DHD**	UPCoM	17/05/2023	18/05/2023		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:36	Thưởng cổ phiếu
37	**GMH**	HOSE	17/05/2023	18/05/2023	9/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
38	**C32**	HOSE	16/05/2023	17/05/2023	7/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
39	**LBM**	HOSE	16/05/2023	17/05/2023	31/05/2023	Trả cổ tức đợt 3/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
40	**CLH**	HNX	16/05/2023	17/05/2023	30/05/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 2,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
41	**CLM**	HNX	16/05/2023	17/05/2023	25/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
42	**QST**	HNX	15/05/2023	16/05/2023	26/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
43	**VCI**	HOSE	15/05/2023	16/05/2023	6/6/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
44	**VNS**	HOSE	15/05/2023	16/05/2023	26/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
45	**BMG**	UPCoM	15/05/2023	16/05/2023	29/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt